

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09/5/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đăng Ninh

Bà Trịnh Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - KSV.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Anh Lê Văn H - sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn Tr, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

**Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H - sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn Tr, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh H (*anh H có đơn xin xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H chung sống cùng nhau ngày 20/11/1991, tổ chức cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống cùng nhau được khoảng 17 năm, đến khoảng tháng 11/2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ ngoại tình với người khác, nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ với nhau hàng ngày, dẫn đến anh và chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2008 đến nay. Nay anh H xét thấy

cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 04 con chung là Lê Thị Y sinh năm 1993, Lê Thị H sinh ngày 21/7/1997, Lê Thị H sinh ngày 10/10/2000 và Lê Văn H sinh ngày 03/3/2008. Hiện tại các cháu Y, H, H đã trưởng thành và xây dựng gia đình, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu H đang ở với chị H. Ly hôn anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng chị Đỗ Thị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Không công nhận quan hệ của anh Lê Văn H và chị Đỗ Thị H là vợ chồng.

Về con: Giao cháu Lê Văn H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Lê Văn H không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và chị Đỗ Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ngày 28/03/2023 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, chị Đỗ Thị H vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Phiên tòa ngày 18/4/2023 anh Lê Văn H vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn H và chị Đỗ Thị H vẫn vắng mặt nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Đỗ Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống vào tháng 11/1991, nhưng không đăng ký kết hôn. Theo anh H trình bày, sau khi về chung sống với nhau anh và chị H sống hạnh phúc được khoảng 17 năm, đến tháng 11/2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ ngoại tình với người khác nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ nhau hàng ngày và cũng từ đó anh H và chị H sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2022 trưởng thôn Tr, xã N cho biết: Anh H và chị H có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Bà được biết anh H và chị H không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau từ lâu. Tuy nhiên, khoảng 5-6 tháng gần đây vợ chồng lục đục, hay cãi nhau. Lúc thì chồng vắng nhà vài tháng, khi thì vợ vắng nhà vài tháng, không thường xuyên có mặt ở nhà. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H và chị H có 04 con chung là Lê Thị Y sinh năm 1993, Lê Thị H sinh ngày 21/7/1997, Lê Thị H sinh ngày 10/10/2000 và Lê Văn H sinh ngày 03/3/2008. Hiện tại các cháu Y, H, H đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu H đang ở với chị H. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy: Yêu cầu về nuôi con là quyền và nghĩa vụ của bố, mẹ là ngang nhau. Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2022, thì cháu H đang ở với chị H; hơn nữa nguyện vọng của cháu H là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ. Do vậy, nên xử giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

Về cấp dưỡng: Anh H có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu H thành niên. HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng này là không phù hợp với thực tế. Do vậy, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối

cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Lê Văn H và chị Đỗ Thị H là vợ chồng.

Về con: Giao cháu Lê Văn H- sinh ngày 03/3/2008 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Lê Văn H phải nộp án phí DSST về việc ly hôn là 300.000 đồng và án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí DSST đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015131 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh Lê Văn H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh H, chị H được quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GDKT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyên

